

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN-TP.HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2020

“ V/v tranh chấp xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Vũ Anh Chi

Bà Đào Thị Đoan

-Thư ký phiên tòa: Ông Tô Ngọc Lâm-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội: Bà Lê Thị Thúy-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “ Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ : Thôn H, Xã H, Sóc Sơn, Hà Nội.

2.Bị đơn : Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991

Địa chỉ : Thôn H, Xã H, Sóc Sơn, Hà Nội.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T cưới nhau có tình hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã Xã H, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Sau khi cưới, chị về gia đình anh T làm dâu, vợ chồng ở chung cùng với gia đình chồng. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời dính vào nghiện ngập, anh đã từng phải đi tù về hành vi vi phạm pháp luật. Sau khi ra trại, anh T vẫn chứng nào tật ấy, không quan tâm đến gia đình, còn thường xuyên vô cớ đánh đập chị. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị cũng có nhờ gia đình hai bên hòa giải nhưng quan hệ vợ chồng không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

-Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Hữu Bảo L, sinh ngày 29/5/2012 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11/02/2014. Hiện hai cháu đang ở với anh T. Ly hôn nguyện vọng của chị muốn được nuôi cháu Bảo N, còn cháu Bảo L để anh T trực tiếp nuôi và tự mỗi bên đảm Nệm việc nuôi con.

-Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/3/2020 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận như chị T trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị T có quan hệ với người đàn ông khác, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn, chị T làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

-Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Hữu Bảo L, sinh ngày 29/5/2012 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11/02/2014. Hiện hai cháu đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay và anh tự đảm Nệm việc nuôi con.

-Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51,56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

+Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

+Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Hữu Bảo L, sinh ngày 29/5/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11/02/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tự mỗi bên đảm Nệm việc nuôi con.

Chị T, anh T được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

+Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở có tình cảm, tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/10/ 2011 tại UBND xã H, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng sống không có lòng tin đối với nhau, thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị xin được ly hôn, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra anh cũng đã xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn tình yêu thương và anh đồng ý ly hôn. Xác minh ở chính quyền địa phương và gia đình anh chị được biết anh chị chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình cũng đã khuyên bảo Nều lần nhưng quan hệ vợ chồng anh, chị không thay đổi. Do vậy, có thể thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hữu Bảo L, sinh ngày 29/5/2012 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11/02/2014. Xét việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là quyền và nghĩa vụ của người làm cha, làm mẹ. Hiện anh T, chị T đều đi làm, có thu nhập ổn định nên anh chị có đủ khả năng để nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cho anh, chị mỗi người nuôi một cháu và tự mỗi bên đảm Nệm việc nuôi con, anh T nuôi cháu L và chị T nuôi cháu N là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu L.

[4] Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Anh T, chị T không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28,35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56,81,82 ,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Hữu Bảo L, sinh ngày 29/5/2012 cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11/02/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tự mỗi bên đảm Nệm việc nuôi con.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3.Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai số 0018415 ngày 15/01/2020.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị T được quyền kháng cáo. Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Anh Chi

Đào Thị Đoan

Nguyễn Thị Thu Hằng